

KẾT QUẢ KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO
KỲ THI TUYỂN SINH CAO HỌC LUẬT KHÓA 39 - NĂM 2025

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
1	001	Đặng Tấn Quốc	An	Nam	28/01/2002	6,5	8	8,5	7,5	7,6	Đạt
2	002	Đặng Thái	An	Nam	12/12/2001	9	8,5	8,5	7,5	8,4	Đạt
3	003	Lê Thị Thuý	An	Nữ	09/07/1994	10	7,5	6,5	7	7,8	Đạt
4	004	Nguyễn Dương Thuý	An	Nữ	08/12/2003	8	8	9	8	8,3	Đạt
5	005	Nguyễn Thị Hội	An	Nữ	27/10/1999	9	9	8	8,5	8,6	Đạt
6	006	Nguyễn Thu	An	Nữ	19/06/2002					0	Vắng
7	007	Nguyễn Hoàng	Ân	Nam	28/10/1993	5	4,5	4,5	4	4,5	Đạt
8	008	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ân	Nam	03/3/2002	8	8	8,5	7	7,9	Đạt
9	009	Đặng Lan	Anh	Nữ	11/08/2003	8,5	7,5	7,5	6,5	7,5	Đạt
10	010	Đào Tấn	Anh	Nam	28/08/2001	7,5	7,5	8,5	7	7,6	Đạt
11	011	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	12/01/2003	10	8	10	8	9	Đạt
12	012	Hà Thị Vân	Anh	Nữ	01/05/1985	3,5	Vắng	3	0,5	1,8	Rớt
13	013	Lê Minh	Anh	Nữ	15/06/2000	6	8	4,5	4,5	5,8	Đạt
14	014	Mai Linh Hồng	Anh	Nữ	12/04/2002	7	9	7	5	7	Đạt
15	015	Nguyễn Công Tuấn	Anh	Nam	02/10/1988					0	Vắng
16	016	Nguyễn Đình	Anh	Nam	20/03/1999	8,5	7	7,5	4,5	6,9	Đạt
17	017	Nguyễn Đức	Anh	Nam	05/01/2003	9,5	7,5	9,5	4	7,6	Đạt
18	018	Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	30/7/1976	8	8,5	6,5	7,5	7,6	Đạt
19	019	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	14/03/2000	7	8	7	8	7,5	Đạt
20	020	Nguyễn Hồng	Anh	Nữ	04/12/1999	7,5	7	8,5	6,5	7,4	Đạt
21	021	Nguyễn Hồng Minh	Anh	Nữ	03/04/2002	9	8	9	8	8,5	Đạt
22	022	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	05/02/2001	9	8,5	8	9	8,6	Đạt
23	023	Nguyễn Thế	Anh	Nam	29/10/1991	7,5	7	6	5	6,4	Đạt
24	024	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	30/07/2003	7	7,5	5	6,5	6,5	Đạt
25	025	Nhâm Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	01/08/2003	9	7,5	8	7	7,9	Đạt
26	026	Phan Lâm	Anh	Nam	09/11/2003	6,5	8	7,5	4	6,5	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
27	027	Trần Huỳnh	Anh	Nữ	25/10/2002	7	7,5	7	5	6,6	Đạt
28	028	Trịnh Hoàng Vân	Anh	Nữ	05/11/2000	8,5	8	7,5	6,5	7,6	Đạt
29	029	Trương Nguyễn Cát	Anh	Nữ	25/11/2002	9,5	8	8	5,5	7,8	Đạt
30	030	Uông Thị Châu	Anh	Nữ	23/05/2002	7	6	5,5	8	6,6	Đạt
31	031	Văn Hoàng	Anh	Nam	16/06/1999	7	5,5	8	6	6,6	Đạt
32	032	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	29/04/1999	9	5,5	8,5	6,5	7,4	Đạt
33	033	Phạm Minh	Ánh	Nữ	23/10/1998	8,5	6,5	8	9	8	Đạt
34	034	Hồ Gia	Bảo	Nữ	20/02/2000	9	7,5	8,5	8,5	8,4	Đạt
35	035	Lê Chí	Bảo	Nam	24/8/2002	6	5,5	6,5	6	6	Đạt
36	036	Trương Thái	Bảo	Nam	29/07/2003	6,5	5,5	7,5	7	6,6	Đạt
37	037	Bùi Ngọc Nguyên	Bình	Nam	22/07/1999	9	6,5	8,5	8	8	Đạt
38	038	Đỗ Thanh	Bình	Nam	20/07/1993	8,5	5	9	6,5	7,3	Đạt
39	039	Hoàng Trần Thanh	Bình	Nam	29/01/2002	9,5	7	8	9	8,4	Đạt
40	040	Mai Đặng Thái	Bình	Nam	08/12/2000	8	5	6	4	5,8	Đạt
41	041	Nguyễn Việt	Bình	Nam	05/10/1967					0	Vắng
42	042	Thái Minh	Bình	Nữ	23/01/2002	9,5	6,5	10	8,5	8,6	Đạt
43	043	Trần Phú	Bình	Nam	18/03/1995	10	7,5	7,5	7,5	8,1	Đạt
44	044	Trần Thị Thuý	Bình	Nữ	15/02/2002	8,5	4,5	6,5	4,5	6	Đạt
45	045	Nguyễn Tiến	Câm	Nam	26/02/1998					0	Vắng
46	046	Nguyễn Minh	Chánh	Nam	23/11/1997	6	4,5	6	3	4,9	Đạt
47	047	Cộng Bảo	Châu	Nữ	08/05/1999	6,5	4,5	6	6	5,8	Đạt
48	048	Hoàng Huyền	Châu	Nữ	01/10/2003	8	6,5	8,5	7,5	7,6	Đạt
49	049	Nguyễn Phan Khánh	Châu	Nữ	13/04/2002	8,5	6	7	7	7,1	Đạt
50	050	Nguyễn Trần Cẩm	Châu	Nữ	15/04/2001	5,5	4,5	5	5,5	5,1	Đạt
51	051	Quách Ngọc Minh	Châu	Nữ	28/4/1995	8,5	4	5	5,5	5,8	Đạt
52	052	Tô Nhã Giang	Châu	Nữ	22/12/1999	6,5	4	5	2	4,4	Đạt
53	053	Trương Kim Bảo	Châu	Nữ	17/11/1986	8	6,5	7	5	6,6	Đạt
54	054	Nguyễn Thụy Tố	Chi	Nữ	14/04/1999	8,5	6	8,5	6	7,3	Đạt
55	055	Lê Đình Thành	Chí	Nam	18/6/1999	8	5,5	7,5	4,5	6,4	Đạt
56	056	Phạm Thị Bích	Chiến	Nữ	26/06/1988					0	Vắng
57	057	Nguyễn Hoàng	Cường	Nam	04/10/1992	3	4	6	2	3,8	Rớt
58	058	Nguyễn Văn	Cường	Nam	08/10/1987					0	Vắng
59	059	Nguyễn Vũ	Cường	Nam	27/9/2002	7,5	4,5	7	6	6,3	Đạt
60	060	Từ Vĩ	Cường	Nam	09/02/1992	10	7	9	7,5	8,4	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
61	061	Nguyễn Thanh	Đạm	Nam	03/09/1999					0	Vắng
62	062	Nguyễn Hoàng	Đăng	Nữ	05/05/2002	6,5	5	6	5,5	5,8	Đạt
63	063	Nguyễn Lương Huỳnh	Đào	Nữ	11/01/1998	10	8	10	9	9,3	Đạt
64	064	Võ Thị Anh	Đào	Nữ	29/03/1989					0	Vắng
65	065	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	31/05/1998	7	5,5	7	4	5,9	Đạt
66	066	Phạm Ngọc	Diễm	Nữ	28/3/1997	8,5	5,5	7,5	7	7,1	Đạt
67	067	Thái Khải	Diệp	Nữ	28/08/2002	8	7,5	8,5	7,5	7,9	Đạt
68	068	Lưu Duy	Đông	Nam	06/12/2001	7	6	5	6	6	Đạt
69	069	Nguyễn Minh	Đức	Nam	20/04/1994	9,5	4	7	3	5,9	Đạt
70	070	Lê Hữu	Đức	Nam	08/09/1973					0	Vắng
71	071	Lê Thành	Đức	Nam	28/08/2003					0	Vắng
72	072	Trần Ngọc	Đức	Nam	24/02/1997	6,5	4	4,5	2,5	4,4	Đạt
73	073	Nguyễn Khánh	Dung	Nữ	23/09/2002	7	8,5	7,5	4,5	6,9	Đạt
74	074	Nguyễn Kim	Dung	Nữ	27/03/2001	7	6	6	5	6	Đạt
75	075	Phạm Thụy	Dung	Nữ	10/01/1993	6,5	7	7	5,5	6,5	Đạt
76	076	Quách Thị	Dung	Nữ	11/10/1995	7	5,5	7,5	4	6	Đạt
77	077	Vũ Thị Thủy	Dung	Nữ	27/05/1990	5,5	6	4	4,5	5	Đạt
78	078	Đinh Gia Tuấn	Dũng	Nam	15/11/2003	6,5	5,5	5,5	7	6,1	Đạt
79	079	Phạm Khắc	Dũng	Nam	26/08/2001	9	7,5	8,5	8	8,3	Đạt
80	080	Phùng Tuấn	Dũng	Nam	17/2/1985	5	5,5	5,5	2	4,5	Đạt
81	081	Vô Chí	Dũng	Nam	17/04/1993	9,5	9	9,5	8,5	9,1	Đạt
82	082	Bùi Thị Thùy	Dương	Nữ	25/01/2003	6,5	6	8,5	8,5	7,4	Đạt
83	083	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	22/05/1995	8,5	7	9	6	7,6	Đạt
84	084	Nguyễn Bùi Anh	Duy	Nam	23/10/2003	7,5	7	8,5	5,5	7,1	Đạt
85	085	Trần Hữu	Duy	Nam	19/06/1997					0	Vắng
86	086	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/09/2000	9	6	8,5	5	7,1	Đạt
87	087	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	30/06/2000	9	6,5	9,5	6	7,8	Đạt
88	088	Phạm Ngọc Minh	Trang	Nữ	01/04/2002	9,5	8,5	8,5	5,5	8	Đạt
89	089	Trần Thị Kỳ	Duyên	Nữ	26/08/1998	9	7	8,5	5	7,4	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
90	090	Nguyễn Thị Ninh	Giang	Nữ	01/01/2000					0	Vắng
91	091	Nguyễn Trần Hương	Giang	Nữ	27/08/2003	6	5	6	6	5,8	Đạt
92	092	Phạm Thanh	Giang	Nam	08/08/2002					0	Vắng
93	093	Phùng Thủy Châu	Giang	Nữ	18/02/1998	7	4,5	7,5	6,5	6,4	Đạt
94	094	Vân Hoàng Ngân	Giang	Nữ	23/10/2001	9,5	6,5	7	6,5	7,4	Đạt
95	095	Nguyễn Huỳnh	Giao	Nữ	24/08/2001	9	6	4	5	6	Đạt
96	096	Cao Vũ Thanh	Hà	Nữ	12/10/1991	9,5	7	8,5	6,5	7,9	Đạt
97	097	Đặng Thái	Hà	Nữ	04/8/2002	9	7,5	10	6,5	8,3	Đạt
98	098	Đinh Thị Khánh	Hà	Nữ	29/05/1997	9,5	8,5	9,5	9	9,1	Đạt
99	099	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	12/10/2000	9	6	8	7	7,5	Đạt
100	100	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	16/12/1999					0	Vắng
101	101	Nguyễn Thị Việt	Hà	Nữ	27/08/2002	10	8,5	9	9	9,1	Đạt
102	102	Trần Đức	Hà	Nam	26/10/1984	7	8	8	4,5	6,9	Đạt
103	103	Trần Huyền Nhật	Hạ	Nữ	25/06/1992	9	8,5	10	6,5	8,5	Đạt
104	104	Trần Nguyễn Nhật	Hạ	Nữ	28/05/1996	7	6,5	6	4,5	6	Đạt
105	105	Châu Gia	Hân	Nữ	24/03/2003	6,5	6,5	6,5	5,5	6,3	Đạt
106	106	Lê Hoàng Bảo	Hân	Nữ	11/10/2002	10	7	8	7	8	Đạt
107	107	Liên Ngọc	Hân	Nữ	18/04/2003	7	5	6,5	5,5	6	Đạt
108	108	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	Nữ	12/09/2002	7	7	6,5	7,5	7	Đạt
109	109	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	Nữ	13/04/1997	9	6,5	8,5	8	8	Đạt
110	110	Trần Nguyễn Bích	Hân	Nữ	27/12/2002					0	Vắng
111	111	Mai Thanh	Hằng	Nữ	26/03/1988	7	5	7	6,5	6,4	Đạt
112	112	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	07/07/1990	9	6	8	7	7,5	Đạt
113	113	Nguyễn Hồ Mỹ	Hạnh	Nữ	17/01/2002	7	5	7,5	5	6,1	Đạt
114	114	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	03/08/1997	9	6,5	8	5,5	7,3	Đạt
115	115	Võ Trần Hồng	Hạnh	Nữ	30/09/2003	8	7	6,5	4	6,4	Đạt
116	116	Nguyễn Hữu	Hào	Nam	26/01/2000					0	Vắng
117	117	Bùi Huy	Hào	Nam	22/07/1998					0	Vắng
118	118	Lương Thị Kim	Hậu	Nữ	14/03/1999	7,5	6	6,5	6,5	6,6	Đạt
119	119	Vương Quốc	Hậu	Nam	03/01/2000	2,5	4	2,5	5,5	3,6	Rớt
120	120	Đoàn Thị Dạ	Hiền	Nữ	10/01/1988	6,5	7,5	3,5	6,5	6	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
121	121	Nguyễn Thị Minh	Hiền	Nữ	17/10/2002					0	Vắng
122	122	Phan Võ Thu	Hiền	Nữ	04/06/2002	9,5	7,5	8,5	8	8,4	Đạt
123	123	Lê Chí	Hiếu	Nam	28/05/2003	8,5	4	7	7,5	6,8	Đạt
124	124	Võ Hoàng	Hiếu	Nam	01/12/2002					0	Vắng
125	125	Nguyễn Diệu	Hoa	Nữ	10/11/1994	10	8	8,5	8	8,6	Đạt
126	126	Trần Thị Hồng	Hoa	Nữ	24/10/2000	8,5	6	9	6,5	7,5	Đạt
127	127	Bùi Thị	Hòa	Nữ	04/09/2003	4,5	5	4	5	4,6	Đạt
128	128	Lê Như	Hoài	Nữ	14/06/2002	8,5	6	8	8	7,6	Đạt
129	129	Đinh Văn	Hoàng	Nam	14/12/1999	9	8	9	6,5	8,1	Đạt
130	130	Đỗ Ngọc Thanh	Hoàng	Nữ	05/02/2001	8	3	6	3,5	5,1	Đạt
131	131	Huỳnh Cao Nữ	Hoàng	Nữ	24/10/1997	7,5	7,5	7	5,5	6,9	Đạt
132	132	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	28/11/1996					0	Vắng
133	133	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Nữ	19/02/2003	6,5	6,5	6	5	6	Đạt
134	134	Trịnh Lê Chiêu	Hoàng	Nữ	08/04/1999	9	8,5	9	5	7,9	Đạt
135	135	Trương Minh	Hoàng	Nam	10/02/1996	5	4	4,5	6	4,9	Đạt
136	136	Phan Thị Ánh	Hồng	Nữ	27/8/1999	8,5	6	9	7,5	7,8	Đạt
137	137	Đàm Văn	Hùng	Nam	28/09/1994	2,5	4	4	4,5	3,8	Rớt
138	138	Mai Lê Thiên	Hương	Nữ	12/10/1985	8,5	6	6	8	7,1	Đạt
139	139	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	06/05/2002					0	Vắng
140	140	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	01/02/1990	9	4	7	5	6,3	Đạt
141	141	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	09/10/1992	8	5	7,5	7,5	7	Đạt
142	142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	Nữ	10/10/1992	7,5	4	7,5	3,5	5,6	Đạt
143	143	Phạm Lan	Hương	Nữ	05/09/2002	8,5	7,5	8,5	6,5	7,8	Đạt
144	144	Trương Thị Thiên	Hương	Nữ	19/12/1997	8,5	5,5	8	6,5	7,1	Đạt
145	145	Võ Hoàng	Hương	Nữ	14/05/1998	7,5	7	6	5	6,4	Đạt
146	146	Lê Viết Gia	Huy	Nam	06/12/2001	9,5	5,5	9	6,5	7,6	Đạt
147	147	Nguyễn Gia	Huy	Nam	15/06/2001	7	6	6,5	7	6,6	Đạt
148	148	Phạm Quốc	Huy	Nam	02/05/1999					0	Vắng
149	149	Huỳnh Nguyễn Thúy	Huyền	Nữ	01/02/2000	8	6,5	8	7,5	7,5	Đạt
150	150	La Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/09/1988	5,5	4	4	5	4,6	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
151	151	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	10/11/1999	6	6	7	5	6	Đạt
152	152	Nguyễn Thị An	Huyền	Nữ	16/02/1996	5,5	5,5	6,5	6,5	6	Đạt
153	153	Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	15/03/2003	9	5,5	8	6,5	7,3	Đạt
154	154	Vũ Khánh	Huyền	Nữ	21/12/1997	7	6	8,5	7,5	7,3	Đạt
155	155	Vũ Thị	Huyền	Nữ	03/02/2000	8,5	4,5	8,5	6,5	7	Đạt
156	156	Bồ Trung	Huynh	Nam	02/08/1988	4,5	2,5	5	1,5	3,4	Rớt
157	157	Nguyễn Văn	Huynh	Nam	13/09/2000	7	5,5	7,5	4	6	Đạt
158	158	Steven Alex Yeo Jiang	Jiang	Nam	12/11/2003	9	7,5	8,5	5,5	7,6	Đạt
159	159	Lê Đức	Khải	Nam	01/12/2003	6,5	6	7	5	6,1	Đạt
160	160	Trịnh Lương Tuấn	Khải	Nam	09/09/2001	8,5	6	8	5	6,9	Đạt
161	161	Nguyễn Hào	Khang	Nam	04/07/2002	9	7	9	7	8	Đạt
162	162	Trần Bảo	Khanh	Nam	30/10/2001	7,5	5	8	4	6,1	Đạt
163	163	Cù Long	Khánh	Nam	10/05/1993	9	6	7,5	7,5	7,5	Đạt
164	164	Trần Gia	Khánh	Nam	18/08/1987	9	7	9	8	8,3	Đạt
165	165	Phạm Lê	Khiết	Nam	26/11/2001	5,5	5	9	5,5	6,3	Đạt
166	166	Huỳnh Minh	Khôi	Nam	03/11/2002	8	5,5	9,5	10	8,3	Đạt
167	167	Lê Thị	Khuyên	Nữ	22/06/1994					0	Vắng
168	168	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	02/02/2000	9,5	6,5	8	6,5	7,6	Đạt
169	169	Bùi Thị	Kiều	Nữ	05/05/2002	5,5	5	4	6	5,1	Đạt
170	170	Đỗ Thị Siêu	Kim	Nữ	28/10/2002	6,5	6	7,5	5,5	6,4	Đạt
171	171	Trần Ngọc Hoàng	Kim	Nữ	03/02/1999					0	Vắng
172	172	Đào Ngọc	Lam	Nữ	24/04/2002	8,5	6	8	7	7,4	Đạt
173	173	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	06/09/2003					0	Vắng
174	174	Trần Tùng	Lâm	Nam	07/11/1984	7	6	7	5	6,3	Đạt
175	175	Nguyễn Vũ Nhật	Lan	Nữ	09/03/2002	7,5	6,5	7,5	6	6,9	Đạt
176	176	Huỳnh Ngọc Gia	Lê	Nữ	09/09/2003	8,5	7	9	6	7,6	Đạt
177	177	Nguyễn Phạm Đoàn	Lê	Nam	28/11/2002					0	Vắng
178	178	Nguyễn Hoàng	Liễm	Nam	28/08/2001	6,5	7	6	3,5	5,8	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
179	179	Bùi Thị Phương	Linh	Nữ	20/10/1998					0	Vắng
180	180	Đặng Ngọc	Linh	Nữ	28/09/2003	6,5	7	5,5	6	6,3	Đạt
181	181	Đỗ Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/06/2003	5,5	7	6,5	4,5	5,9	Đạt
182	182	Dương Ngọc	Linh	Nữ	04/12/2003	8	7	6,5	5,5	6,8	Đạt
183	183	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	16/09/2000	8,5	6,5	8	5,5	7,1	Đạt
184	184	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	21/08/2002	9,5	7	9	6,5	8	Đạt
185	185	Phạm Thị Kiều	Linh	Nữ	30/11/1999	7	6,5	6	6	6,4	Đạt
186	186	Phan Hoài	Linh	Nam	24/04/2000	8	6	9,5	5,5	7,3	Đạt
187	187	Quách Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/08/1997					0	Vắng
188	188	Trương Lê Thuý	Linh	Nữ	02/05/2003	9	6,5	9,5	7,5	8,1	Đạt
189	189	Võ Thị Ngọc	Linh	Nữ	06/09/2000	6	6	6,5	4,5	5,8	Đạt
190	190	Hồ Ái	Loan	Nữ	09/05/2003	6,5	5,5	7	6,5	6,4	Đạt
191	191	Ngô Thị	Loan	Nữ	07/07/1998	4,5	6	6	7,5	6	Đạt
192	192	Đào Văn	Long	Nam	29/01/2000	8	6	9	6	7,3	Đạt
193	193	Đỗ Đoàn Văn	Long	Nam	30/08/1998	7	6,5	7,5	6,5	6,9	Đạt
194	194	Dương Hải	Long	Nam	04/06/2000	7	5	7	5,5	6,1	Đạt
195	195	Nguyễn Hải	Long	Nam	30/05/1999	7	6,5	5	7	6,4	Đạt
196	196	Hồ Phúc	Luân	Nam	13/12/2001	9,5	6,5	8,5	8	8,1	Đạt
197	197	Phạm Thị Ngọc	Luân	Nữ	01/09/2002	8,5	7	7	4	6,6	Đạt
198	198	Đỗ Văn	Luận	Nam	30/3/1993	5,5	6	2,5	4	4,5	Đạt
199	199	Nguyễn Trường	Luật	Nam	03/12/1991	7,5	6	6	4,5	6	Đạt
200	200	Nguyễn	Lực	Nam	02/12/1998	7	5	7,5	2	5,4	Đạt
201	201	Nguyễn Thị Diễm	Ly	Nữ	01/01/2003	6	6	4,5	4	5,1	Đạt
202	202	Lữ Ngọc	Mai	Nữ	02/09/1990	8	6	8	3,5	6,4	Đạt
203	203	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	28/12/1985					0	Vắng
204	204	Huỳnh Cát	Mẫn	Nữ	04/6/2002	6	6	5	3,5	5,1	Đạt
205	205	Phạm Cao	Minh	Nam	01/01/2000	5,5	6	8	6	6,4	Đạt
206	206	Phan Hồng Công	Minh	Nam	12/10/1999	7,5	5	7	4,5	6	Đạt
207	207	Trương Ngọc	Minh	Nữ	07/06/2000	4,5	4	7	5	5,1	Đạt
208	208	Đỗ Thị Trà	My	Nữ	05/08/2003	8,5	5	8,5	6	7	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
209	209	Đỗ Trần Huyền	My	Nữ	09/12/2000	8,5	7	7	7	7,4	Đạt
210	210	Lâm Thị Kiều	My	Nữ	29/07/1992	7,5	7	8	6,5	7,3	Đạt
211	211	Nguyễn Hà	My	Nữ	15/10/2002	10	8	9	8	8,8	Đạt
212	212	Nguyễn Ngô Trà	My	Nữ	14/01/2001	6,5	2	5,5	1,5	3,9	Rớt
213	213	Nguyễn Ngọc Lê	My	Nữ	20/11/2000	8	7	7	7,5	7,4	Đạt
214	214	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	19/12/1994	8,5	5	7	7	6,9	Đạt
215	215	Nguyễn Thị Hải	My	Nữ	04/09/2001	8,5	4	7	5,5	6,3	Đạt
216	216	Nguyễn Thị Tiểu	My	Nữ	23/10/2000	5,5	4	4	4	4,4	Đạt
217	217	Đỗ Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	28/08/2003	8,5	7	9,5	7	8	Đạt
218	218	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	14/12/2003	9	4	9	7	7,3	Đạt
219	219	Nguyễn Phương	Nam	Nam	22/05/1991	10	6	8	7,5	7,9	Đạt
220	220	Nguyễn Trọng	Nam	Nam	09/09/1976	4	3	3,5	5,5	4	Đạt
221	221	Trương Phạm Nhật	Nam	Nam	01/09/2000	8,5	7	9,5	6	7,8	Đạt
222	222	Phạm Phương	Nga	Nữ	23/04/2002	8	5	7	7	6,8	Đạt
223	223	Chu Dương Hằng	Ngân	Nữ	22/03/2003	8,5	6	6,5	4,5	6,4	Đạt
224	224	Đặng Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	29/05/2002	9,5	6	8	5	7,1	Đạt
225	225	Đoàn Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	26/8/2003	9	8	8,5	7	8,1	Đạt
226	226	Nguyễn Thanh Thảo	Ngân	Nữ	18/10/2003	9,5	7	9	7	8,1	Đạt
227	227	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	28/04/2000	5	2	5,5	2,5	3,8	Rớt
228	228	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/10/2000	8	7	6,5	4,5	6,5	Đạt
229	229	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	15/01/2001					0	Vắng
230	230	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	Nữ	22/12/1995	7	4	6	1,5	4,6	Đạt
231	231	Phạm Thị Hoàng	Ngân	Nữ	16/05/1999	8,5	6	8,5	7,5	7,6	Đạt
232	232	Phan Kim	Ngân	Nữ	10/03/2002	9	6	6	8	7,3	Đạt
233	233	Phan Kim Thu	Ngân	Nữ	22/12/2003	6	4	7	8,5	6,4	Đạt
234	234	Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	08/08/2000	9	5	8,5	4,5	6,8	Đạt
235	235	Võ Thị Bảo	Ngân	Nữ	14/06/2003	9	6	8	5,5	7,1	Đạt
236	236	Vương Phạm Kim	Ngân	Nữ	07/4/2001	6	4,5	5,5	6	5,5	Đạt
237	237	Đồng Phương Minh	Ngọc	Nữ	24/09/2003	8,5	5,5	8,5	6,5	7,3	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
238	238	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	05/04/2000					0	Vắng
239	239	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	05/03/1998	7,5	5	8	6,5	6,8	Đạt
240	240	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	Nữ	12/4/1997	8,5	4,5	6	4,5	5,9	Đạt
241	241	Phùng Lê Bảo	Ngọc	Nữ	09/11/2002	9,5	7,5	8	6,5	7,9	Đạt
242	242	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/11/2001	2,5	4	5	4,5	4	Đạt
243	243	Trần Thị Thúy	Ngọc	Nữ	04/09/1994	9,5	6	9	7	7,9	Đạt
244	244	Trịnh Khánh Bảo	Ngọc	Nữ	23/06/2003	9	6,5	8	8	7,9	Đạt
245	245	Đinh Thị Thu	Nguyên	Nữ	20/08/2002	5,5	4,5	8	7	6,3	Đạt
246	246	Đoàn Nguyễn Phúc	Nguyên	Nam	24/11/2003	9,5	7	10	8	8,6	Đạt
247	247	Lê Thị Tú	Nguyên	Nữ	24/02/2001	9	5,5	7,5	6	7	Đạt
248	248	Nguyễn Bảo	Nguyên	Nữ	17/02/2003	8	6	9	6	7,3	Đạt
249	249	Võ Thị Thanh	Nguyên	Nữ	06/05/2002	7,5	5,5	7	7	6,8	Đạt
250	250	Châu Thị Minh	Nguyệt	Nữ	15/10/2003	6,5	5	7	6	6,1	Đạt
251	251	Lê Ngọc Thanh	Nguyệt	Nữ	29/08/2001	9,5	6	9	7	7,9	Đạt
252	252	Lữ Thị Thùy	Nguyệt	Nữ	01/04/1992	5	5	6	4	5	Đạt
253	253	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	07/10/1999					0	Vắng
254	254	Trần Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	13/02/2001	8,5	6	8	4	6,6	Đạt
255	255	Lê Thanh	Nhã	Nam	22/06/1999	8	5	9	5	6,8	Đạt
256	256	Nguyễn Giao Trang	Nhã	Nữ	27/05/2002	8,5	5	6,5	4,5	6,1	Đạt
257	257	Hoàng Trọng	Nhân	Nam	12/03/1999	8	7	8	4,5	6,9	Đạt
258	258	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	23/06/1982	7	4	6	1	4,5	Đạt
259	259	Huỳnh Trọng	Nhân	Nam	25/01/1993	7	4	6,5	1,5	4,8	Đạt
260	260	Nguyễn Quang	Nhân	Nam	11/02/1999	8	6,5	8,5	7,5	7,6	Đạt
261	261	Nguyễn Thị Phú	Nhân	Nữ	05/09/2001	8	6,5	6	7,5	7	Đạt
262	262	Võ Trí	Nhân	Nam	02/09/1998	10	7	9	8,5	8,6	Đạt
263	263	Nguyễn Lê Xuân	Nhanh	Nữ	18/03/2002	9,5	8,5	8	6,5	8,1	Đạt
264	264	Nguyễn Bá	Nhật	Nam	14/02/2002	5,5	6,5	6,5	4	5,6	Đạt
265	265	Bùi Thị Ý	Nhi	Nữ	18/01/2000	4,5	6	5	4,5	5	Đạt
266	266	Đinh Yến	Nhi	Nữ	25/05/1996	8,5	7,5	8,5	7,5	8	Đạt
267	267	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23/07/2000	7	7	8	4,5	6,6	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
268	268	Lê Thị Ý	Nhi	Nữ	12/04/1999	8,5	8	8	6,5	7,8	Đạt
269	269	Mai Thị Yên	Nhi	Nữ	16/12/2000	7	9	7	6,5	7,4	Đạt
270	270	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	Nữ	03/01/2001	7	5	7	6	6,3	Đạt
271	271	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	Nữ	01/10/2002					0	Vắng
272	272	Phạm Ngọc	Nhi	Nữ	14/09/1995	7,5	6	7,5	7	7	Đạt
273	273	Phan Đoàn Phương	Nhi	Nữ	03/11/2001	7,5	9,5	8	7,5	8,1	Đạt
274	274	Tạ Ý	Nhi	Nữ	22/01/2001	7	6	8	4,5	6,4	Đạt
275	275	Trịnh Lâm An	Nhi	Nữ	01/07/2002	7	7	8	4,5	6,6	Đạt
276	276	Huỳnh Thành	Nhị	Nam	13/09/2003	6,5	7	9	8	7,6	Đạt
277	277	Huỳnh Đặng Thị	Như	Nữ	02/01/1999	8,5	10	9	5	8,1	Đạt
278	278	Nguyễn Thị Cẩm	Như	Nữ	27/03/2002	8	6,5	7	6	6,9	Đạt
279	279	Phạm Thị Thanh	Như	Nữ	10/02/2000	8,5	8,5	6,5	6,5	7,5	Đạt
280	280	Trịnh Yên	Như	Nữ	24/10/2002	9	8	8	7	8	Đạt
281	281	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/06/1997	6,5	7,5	7	6	6,8	Đạt
282	282	Phạm Thị Hoa	Niên	Nữ	03/04/2000					0	Vắng
283	283	Vũ Thị Kiều	Oanh	Nữ	29/08/1998					0	Vắng
284	284	Huỳnh Gia	Phát	Nam	21/11/2003					0	Vắng
285	285	Đỗ Thị Tứ	Phi	Nữ	27/11/1999	7	8,5	6,5	4,5	6,6	Đạt
286	286	Trần Sông	Phổ	Nữ	22/08/1998	8	8	5,5	4	6,4	Đạt
287	287	Huỳnh Tấn	Phong	Nam	04/01/2002	8,5	8,5	7,5	4	7,1	Đạt
288	288	Lê Đình	Phong	Nam	16/09/1999	6	7,5	5	5	5,9	Đạt
289	289	Phạm Như	Phong	Nam	15/12/2003	9	6,5	6,5	4,5	6,6	Đạt
290	290	Võ Quốc	Phong	Nam	06/09/1983	7,5	7,5	8,5	6,5	7,5	Đạt
291	291	Cao Thị	Phú	Nữ	18/06/1996	7	7	6,5	4	6,1	Đạt
292	292	Đỗ Tuấn	Phúc	Nam	20/04/1999	5	6,5	4	2	4,4	Đạt
293	293	Lê Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	06/01/2001	9	7	8,5	5,5	7,5	Đạt
294	294	Nguyễn Đình	Phúc	Nam	05/04/2000	7,5	7,5	5	5	6,3	Đạt
295	295	Nguyễn Thanh	Phúc	Nữ	06/12/2000	7,5	8	10	7	8,1	Đạt
296	296	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	22/01/2000	9	6	8,5	1,5	6,3	Đạt
297	297	Trần Trọng	Phúc	Nam	01/07/2003	9	7,5	8,5	6,5	7,9	Đạt
298	298	Đặng Thị Linh	Phương	Nữ	20/10/1998	6,5	5	3,5	2,5	4,4	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
299	299	Đỗ Thị Mai	Phương	Nữ	29/11/1995	9	5	10	6,5	7,6	Đạt
300	300	Lê Hà Nguyên	Phương	Nữ	01/02/2000	9	7	7,5	6,5	7,5	Đạt
301	301	Phạm Đào Trúc	Phương	Nữ	14/9/2001	8	6	9	5	7	Đạt
302	302	Phùng Thị Thu	Phương	Nữ	26/08/2003	9	7	7,5	7	7,6	Đạt
303	303	Tạ Nam	Phương	Nữ	08/04/1998	9	6,5	8,5	7,5	7,9	Đạt
304	304	Trần Nam	Phương	Nữ	25/07/2003	8	5	9	5,5	6,9	Đạt
305	305	Trần Thị Thanh	Phương	Nữ	06/10/2002	8,5	5,5	7,5	7	7,1	Đạt
306	306	Trịnh Thị Thu	Phương	Nữ	01/10/2001	8	5,5	6,5	3	5,8	Đạt
307	307	Trương Thị Thu	Phương	Nữ	20/04/1994	7	6	8	7	7	Đạt
308	308	Nguyễn Đỗ Kim	Phượng	Nữ	25/04/1999	8	5,5	7	7	6,9	Đạt
309	309	Trần Như	Phượng	Nữ	28/02/2002	10	8	8	8,5	8,6	Đạt
310	310	Lê Thái	Quân	Nam	21/10/2000	6,5	6,5	5	4,5	5,6	Đạt
311	311	Nguyễn Văn	Quân	Nam	28/12/1999	8,5	6	5,5	4,5	6,1	Đạt
312	312	Phạm Hồng	Quân	Nam	24/12/1998	9,5	8,5	9,5	6	8,4	Đạt
313	313	Vũ Hồng	Quân	Nam	12/05/2001	6,5	5,5	6,5	4	5,6	Đạt
314	314	Đào Phú	Quang	Nam	25/10/2001	9,5	8,5	8,5	5,5	8	Đạt
315	315	Hồ Minh	Quang	Nam	27/08/2001	7	5	5	5	5,5	Đạt
316	316	Nguyễn Minh	Quang	Nam	02/09/1999	8,5	5,5	10	6,5	7,6	Đạt
317	317	Mai Văn	Quảng	Nam	04/10/2002	9	5,5	7,5	5,5	6,9	Đạt
318	318	Đặng Phương	Quốc	Nam	22/10/2001	4,5	5	4	5,5	4,8	Đạt
319	319	Tạ Anh	Quốc	Nam	02/10/1999					0	Vắng
320	320	Đỗ Ngọc	Quý	Nữ	20/02/1986	9	7	8	9,5	8,4	Đạt
321	321	Nguyễn Phú	Quý	Nam	15/11/2003					0	Vắng
322	322	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	Nữ	03/10/2003	9,5	7,75	9	7	8,3	Đạt
323	323	Trần Thị Khánh	Quyên	Nữ	01/01/2002					0	Vắng
324	324	Lê Phương	Quỳnh	Nữ	28/02/1997	6,5	5,5	4,5	5,5	5,5	Đạt
325	325	Nguyễn Mai	Quỳnh	Nữ	22/10/2003	10	8,5	9	6,5	8,5	Đạt
326	326	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	Nữ	16/7/2003	8	7,5	7,5	7	7,5	Đạt
327	327	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	26/9/1998	7,5	7	7,5	6,5	7,1	Đạt
328	328	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	01/01/2001	7,5	8	6	7	7,1	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
329	329	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	02/07/2003	9,5	7,25	9	5,5	7,8	Đạt
330	330	Trịnh Lý Như	Quỳnh	Nữ	13/09/1998	6,5	7	8,5	7	7,3	Đạt
331	331	Phạm Quang	Sáng	Nam	19/07/1998	9	7,5	7,5	5,5	7,4	Đạt
332	332	Nguyễn Trường	Son	Nam	30/03/1995	8,5	8,5	9	9	8,8	Đạt
333	333	Trần Minh	Son	Nam	25/01/2000	8,5	8,5	8,5	4	7,4	Đạt
334	334	Huỳnh Thị Tuyết	Sương	Nữ	04/06/1998	9	8	9,5	5	7,9	Đạt
335	335	Trương Khánh	Sương	Nữ	31/08/2003	6	7	7	6	6,5	Đạt
336	336	Khương Văn	Tài	Nam	28/10/2002	7,5	8,75	8	5,5	7,4	Đạt
337	337	Nguyễn Thành	Tài	Nam	08/6/2001	5,5	6,5	4	3	4,8	Đạt
338	338	Hoàng Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	07/06/2003	10	9	10	8	9,3	Đạt
339	339	Trần Lê Minh	Tâm	Nữ	30/06/1994	7	9	8,5	7,5	8	Đạt
340	340	Trương Thiện	Tâm	Nam	14/11/1995	8,5	6,5	9,5	4,5	7,3	Đạt
341	341	Nguyễn Minh	Tân	Nam	19/06/2001	5,5	7	6,5	6	6,3	Đạt
342	342	Đình Quốc	Tấn	Nam	07/04/2001	7,5	6,5	7,5	5	6,6	Đạt
343	343	Vũ Thị	Tặng	Nữ	14/06/1994	2,5	6,25	4,5	7	5,1	Đạt
344	344	Huỳnh Quốc	Thái	Nam	08/01/2002	8	8	8	9	8,3	Đạt
345	345	Hồ Xuân	Thắm	Nữ	16/12/1996	8	7,75	8,5	7,5	7,9	Đạt
346	346	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	Nữ	27/10/1986	8	5,25	7	2	5,6	Đạt
347	347	Lê Hữu	Thắng	Nam	21/10/2001	7	8,5	5	8	7,1	Đạt
348	348	Phạm Việt	Thắng	Nam	02/12/2000	8,5	5,75	7	7,5	7,2	Đạt
349	349	Nguyễn Mạnh	Thanh	Nam	21/01/2001	8	7	9,5	8,5	8,3	Đạt
350	350	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	07/02/2000	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Đạt
351	351	Trần Thị Tiến	Thanh	Nữ	29/01/1984	6	5	7,5	6	6,1	Đạt
352	352	Võ Đoàn Huệ	Thanh	Nữ	15/09/2003	8	7	7	7,5	7,4	Đạt
353	353	Bồ Lê Công	Thành	Nam	06/06/1998	4,5	6	3,5	2,5	4,1	Đạt
354	354	Bùi Huy	Thành	Nam	14/07/2001	9,5	9	9	7	8,6	Đạt
355	355	Lê Đình	Thành	Nam	15/12/2001	9,5	8	70	7,5	23,8	Đạt
356	356	Nguyễn Hà Tuấn	Thành	Nam	02/01/1998	9,5	7	9,5	7,5	8,4	Đạt
357	357	Nguyễn Minh	Thành	Nam	13/7/2002	9	8	9	8	8,5	Đạt
358	358	Nguyễn Thị An	Thành	Nữ	28/01/1990	7	6	7,5	5,5	6,5	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
359	359	Trần Ngọc	Thành	Nam	25/10/1996	7,5	4	4,5	3,5	4,9	Đạt
360	360	Đặng Tô Ngọc	Thảo	Nữ	13/7/2003	7,5	7	7	8	7,4	Đạt
361	361	Đậu Phương	Thảo	Nữ	15/01/2002	10	7	9	7,5	8,4	Đạt
362	362	Lê Trần Phương	Thảo	Nữ	25/10/2001					0	Vắng
363	363	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	01/05/1984	7	5	5,5	1,5	4,8	Đạt
364	364	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	31/03/2001					0	Vắng
365	365	Trần Minh	Thảo	Nữ	19/09/1998					0	Vắng
366	366	Trần Phương	Thảo	Nữ	10/03/2003	7,5	6,5	8	6	7	Đạt
367	367	Trần Thị	Thảo	Nữ	15/03/1991					0	Vắng
368	368	Nguyễn Tấn	Thi	Nam	10/03/1978					0	Vắng
369	369	Phan Ngọc Minh	Thi	Nữ	02/11/2003	7	7,5	9	6	7,4	Đạt
370	370	Lương Châu Nguyệt	Thiện	Nữ	08/01/1999	8	7	6,5	5	6,6	Đạt
371	371	Đỗ Quang Minh	Thịnh	Nam	02/10/2003					0	Vắng
372	372	Phạm Hồng	Thom	Nam	30/07/1994					0	Vắng
373	373	Thân Thị Phương	Thu	Nữ	23/04/1985					0	Vắng
374	374	Trần Đình	Thu	Nam	30/07/1964					0	Vắng
375	375	Đoàn Anh	Thư	Nữ	27/12/1997					0	Vắng
376	376	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	20/01/1996	9,5	10	9,5	7	9	Đạt
377	377	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	04/01/2003	9,5	7	9,5	7	8,3	Đạt
378	378	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	24/01/2003	9,5	9	8,5	6,5	8,4	Đạt
379	379	Lê Nguyễn Minh	Thư	Nữ	18/11/2003	8	6	8	9	7,8	Đạt
380	380	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	20/12/1996	6	5	6,5	7,5	6,3	Đạt
381	381	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	08/11/2003	8	6	5,5	8,5	7	Đạt
382	382	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	17/06/2003	9,5	8	8,5	8	8,5	Đạt
383	383	Nguyễn Thị Hoài	Thư	Nữ	18/04/2000	8,5	6	9,5	7	7,8	Đạt
384	384	Trần Minh	Thư	Nữ	01/01/2003	5,5	6	6	6	5,9	Đạt
385	385	Lê Thị Mai	Thương	Nữ	31/01/1996	8,5	8	8,5	8	8,3	Đạt
386	386	Ngô Tấn	Thương	Nam	05/05/1993	9	7	7,5	6	7,4	Đạt
387	387	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	29/08/2001	9	9	8,5	7,5	8,5	Đạt
388	388	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	04/10/1996	9,5	6	9	5,5	7,5	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
389	389	Đặng Trần Thanh	Thúy	Nữ	16/11/2002	8	6	8,5	5	6,9	Đạt
390	390	Nguyễn Thị Kim	Thúy	Nữ	27/12/1990					0	Vắng
391	391	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/04/2001	9,5	6	9,5	4,5	7,4	Đạt
392	392	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	14/7/1992	9	7	9,5	4	7,4	Đạt
393	393	Lê Thị Thanh	Thùy	Nữ	18/04/1984	5,5	5	6,5	3	5	Đạt
394	394	Lê Nguyễn Trang	Thy	Nữ	19/08/2001	7	7	5,5	7	6,6	Đạt
395	395	Lê Thị Minh	Thy	Nữ	19/01/1999	8	7	8,5	5,5	7,3	Đạt
396	396	Châu Thị Mỹ	Tiên	Nữ	14/11/2003	9	8	10	6,5	8,4	Đạt
397	397	Ngô Thị Ngọc	Tiên	Nữ	31/05/2001	7	8	8	6	7,3	Đạt
398	398	Trần Thị Cẩm	Tiên	Nữ	28/02/1995	8,5	6	7,5	4,5	6,6	Đạt
399	399	Đỗ Tấn	Tiến	Nam	06/01/1991	6	5	5,5	2	4,6	Đạt
400	400	Nguyễn Phước	Tiến	Nam	09/03/2002	4,5	8	6,5	4,5	5,9	Đạt
401	401	Huỳnh Bá	Tín	Nam	20/05/1999	9,5	9	8	5	7,9	Đạt
402	402	Trần Trung	Tín	Nam	19/03/2002	6,5	8	5,5	6,5	6,6	Đạt
403	403	Nguyễn Xuân	Toàn	Nam	28/02/1993	8	8	8,5	9	8,4	Đạt
404	404	Nguyễn Ngọc Khánh	Trà	Nữ	02/9/2003	9,5	9	9	8,5	9	Đạt
405	405	Dương Thị	Trâm	Nữ	04/02/1996	8	6	6,5	4	6,1	Đạt
406	406	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	14/09/2001	10	9	9	8,5	9,1	Đạt
407	407	Ao Lê Kim	Trân	Nữ	26/05/2003	8,5	10	7,5	8,5	8,6	Đạt
408	408	Lê Trần Bảo	Trân	Nữ	01/09/2003	9	6,5	10	9,5	8,8	Đạt
409	409	Nguyễn Huỳnh Thùy	Trân	Nữ	04/03/2003	8	5,5	10	8	7,9	Đạt
410	410	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	12/07/1988					0	Vắng
411	411	Thái Thị Trân	Trân	Nữ	29/06/2997	5,5	5,5	7	6	6	Đạt
412	412	Trần Nguyễn Quế	Trân	Nữ	13/09/2002	9	7	8	8,5	8,1	Đạt
413	413	Đinh Nữ Kiều	Trang	Nữ	08/12/2002	7,5	4,5	6	5,5	5,9	Đạt
414	414	Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	23/06/1999	7	5	4,5	5,5	5,5	Đạt
415	415	Huỳnh Thị Mỹ	Trang	Nữ	18/02/1994	5,5	5	8	5,5	6	Đạt
416	416	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	26/09/2003	8,5	7,5	8	7	7,8	Đạt
417	417	Lê Trần Diệu	Trang	Nữ	14/08/2003	8,5	7	9,5	7	8	Đạt
418	418	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	Nữ	02/9/2000	7,5	6	7,5	4	6,3	Đạt
419	419	Nguyễn Phạm Minh	Trang	Nữ	26/06/2001	8	6,5	7,5	4	6,5	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
420	420	Nguyễn Phan Thuý	Trang	Nữ	19/04/2001	9	6	7	7	7,3	Đạt
421	421	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	03/07/1998	7,5	6	7	5	6,4	Đạt
422	422	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Nữ	02/04/2002	7	6,5	8,5	4,5	6,6	Đạt
423	423	Nguyễn Thụy Thùy	Trang	Nữ	24/08/1997	8	5	8,5	4,5	6,5	Đạt
424	424	Tô Thị Thu	Trang	Nữ	07/08/1997	6	6,5	6,5	4,5	5,9	Đạt
425	425	Trần Lê Hạnh	Trang	Nữ	16/09/2001	6,5	5,5	3,5	4	4,9	Đạt
426	426	Phan Minh	Triết	Nam	11/08/2003	8	5,5	5,5	5,5	6,1	Đạt
427	427	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	Nữ	02/09/1996	7,5	6	6,5	6	6,5	Đạt
428	428	Trần Thị Nhật	Trình	Nữ	18/02/2003	9,5	6	8,5	7	7,8	Đạt
429	429	Vô Thị Tố	Trình	Nữ	28/12/1991	9,5	5,5	9	5	7,3	Đạt
430	430	Phạm Mai	Trúc	Nữ	21/09/2001	6,5	6	7	5,5	6,3	Đạt
431	431	Đặng Văn Quang	Trường	Nam	16/10/2003					0	Vắng
432	432	Đồng Kim	Tú	Nữ	03/10/2003	9,5	6,5	8	9	8,3	Đạt
433	433	Lê Minh	Tú	Nam	07/09/2002					0	Vắng
434	434	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	05/11/2000	8	6	6,5	7,5	7	Đạt
435	435	Bùi Thanh	Tùng	Nam	15/04/1994					0	Vắng
436	436	Trần Kim	Tuyền	Nữ	17/10/2003	6	6	7,5	8	6,9	Đạt
437	437	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	03/04/2000	6,5	6	6,5	7,5	6,6	Đạt
438	438	Trần Thụy Thanh	Tuyền	Nữ	03/12/2000	8,5	7	9,5	9	8,5	Đạt
439	439	Nguyễn Như	Tuyết	Nữ	14/03/2003	8	5	7	7	6,8	Đạt
440	440	Hồ Vũ	Uyên	Nữ	28/07/2002	8,5	7	7,5	7,5	7,6	Đạt
441	441	Hoàng Thị Diệu	Uyên	Nữ	06/01/2000	7,5	7	8	4,5	6,8	Đạt
442	442	Phạm Hoàng	Uyên	Nữ	13/09/1999	9,5	4	10	2	6,4	Đạt
443	443	Phạm Thị Thu	Uyên	Nữ	07/03/1997	9	8	10	7	8,5	Đạt
444	444	Lê Thị Thu	Vân	Nữ	29/08/1988	6,5	7	8	5	6,6	Đạt
445	445	Lê Thị Tuyết	Vân	Nữ	26/03/1995	7,5	5	8	2,5	5,8	Đạt
446	446	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	03/07/2003	7,5	6	8	3	6,1	Đạt
447	447	Trần Thị Nhật	Vân	Nữ	27/10/1990					0	Vắng
448	448	Trịnh Đình	Văn	Nam	03/05/2000	5	5	5,5	4	4,9	Đạt
449	449	Lê Thị Vi	Vi	Nữ	02/01/1993	8	7	7,5	5,5	7	Đạt
450	450	Trần Thị Tường	Vi	Nữ	25/11/1998	5	5	4,5	5	4,9	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
451	451	Nguyễn Thị	Viễn	Nữ	20/05/1992					0	Vắng
452	452	Ngô Thế	Vinh	Nam	17/08/1999	7	6	6	4	5,8	Đạt
453	453	Tôn Nữ	Vinh	Nữ	19/02/1994	7,5	8	5,5	5	6,5	Đạt
454	454	Bùi Quốc	Vũ	Nam	23/08/2002	9,5	8	9,5	6	8,3	Đạt
455	455	Dương Trần Cát	Vũ	Nam	02/07/1991	9,5	8	9	8	8,6	Đạt
456	456	Nguyễn Hoài	Vũ	Nam	01/08/1977					0	Vắng
457	457	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	12/02/2002	9	7,5	8,5	4,5	7,4	Đạt
458	458	Trần Linh	Vũ	Nam	26/03/1988	3	3	7,5	7,5	5,3	Đạt
459	459	Mạch Văn	Vương	Nam	07/11/2001	5	6	6,5	3,5	5,3	Đạt
460	460	Cao Khải	Vy	Nữ	21/11/2003	9	7	8	5,5	7,4	Đạt
461	461	Hồ Thị Thảo	Vy	Nữ	27/01/2003	6,5	7	7,5	6	6,8	Đạt
462	462	Ngô Ngọc Khánh	Vy	Nữ	31/08/2003					0	Vắng
463	463	Nguyễn Lê	Vy	Nữ	03/03/2002	8	5	6	5,5	6,1	Đạt
464	464	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	Nữ	12/04/2002	9	7	8	8,5	8,1	Đạt
465	465	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	25/03/2003	8,5	7	7,5	9	8	Đạt
466	466	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	09/02/2003					0	Vắng
467	467	Phạm Trần Tường	Vy	Nữ	10/09/1989	8	7,5	7,5	6,5	7,4	Đạt
468	468	Phan Trần Diễm	Vy	Nữ	09/11/2003	7	8	6	5,5	6,6	Đạt
469	469	Trương Thị Khánh	Vy	Nữ	29/08/2002	9	7,5	8,5	7	8	Đạt
470	470	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	11/01/1984	5,5	7	7	7	6,6	Đạt
471	471	Kiều Ngọc	Yến	Nữ	13/04/2000	5	5,5	5,5	6,5	5,6	Đạt
472	472	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	26/12/1997	4	6	6,5	7	5,9	Đạt
473	473	Trần Phan Hoàng	Yến	Nữ	13/9/1997	9	8	10	7	8,5	Đạt
474	474	Trần Thị Kim	Yến	Nữ	30/09/1991	8,5	8	9	8	8,4	Đạt
475	475	Phạm Thành	Đạt	Nam	31/12/1998	3,5	6,5	4	3	4,3	Đạt
476	476	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	05/11/1977	6,5	5	7,5	6	6,3	Đạt
477	477	Hoàng Phương	Hằng	Nữ	29/11/2000	7,5	8	9	7,5	8	Đạt
478	478	Lý Thị	Hậu	Nữ	05/02/1999	6,5	6,5	5,5	5,5	6	Đạt
479	479	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	14/03/2000	8	7	7	7	7,3	Đạt
480	480	Nguyễn Thị	Mận	Nữ	20/04/1992	8	5,5	8,5	6	7	Đạt
481	481	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	Nữ	19/02/1991	8,5	7	9	4,5	7,3	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
482	482	Nguyễn Phan Hoàng	Nam	Nam	14/02/1994	10	9	9,5	7	8,9	Đạt
483	483	Trần Hà	Ngân	Nữ	28/07/2003	10	9	9	7,5	8,9	Đạt
484	484	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/02/2001	8	7	8	5,5	7,1	Đạt
485	485	Đoàn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	28/05/1999	8	6	6	4,5	6,1	Đạt
486	486	Võ Hồng Thảo	Nguyên	Nữ	18/03/1992	7,5	6,5	3	5,5	5,6	Đạt
487	487	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	16/8/1994	8	6,5	7,5	4	6,5	Đạt
488	488	Trần Minh	Nhật	Nam	17/10/1998	8	7,5	8,5	6	7,5	Đạt
489	489	Nguyễn Trung	Quốc	Nam	29/01/1997	9	6	7,5	6,5	7,3	Đạt
490	490	Nguyễn Đỗ Như	Quyên	Nữ	11/10/1990	6,5	7,5	6	5,5	6,4	Đạt
491	491	Lê Thị Bảo	Thoa	Nữ	01/11/2001	6,5	8	6,5	6	6,8	Đạt
492	492	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	18/05/1989	7	5,5	8	5	6,4	Đạt
493	493	Tạ Thị Thảo	Vy	Nữ	30/03/2000	8	7	6	6	6,8	Đạt
494	494	Phạm Hải	Yến	Nữ	09/05/1995	7,5	7	6	6	6,6	Đạt
495	495	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	15/04/1991	5	5,5	7	4	5,4	Đạt
496	496	Hoàng Thị Ngọc	Bình	Nữ	15/02/1995					0	Vắng
497	497	Lê Công Thành	Đạt	Nam	12/02/2001	6,5	4,5	7	4,5	5,6	Đạt
498	498	Lê Kim	Đức	Nam	15/05/1998	4	4	3,5	5,5	4,3	Đạt
499	499	Nguyễn Đăng	Dung	Nam	09/01/1999	8,5	6	8,5	5	7	Đạt
500	500	Lê Thanh	Duy	Nam	20/04/1998					0	Vắng
501	501	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	20/5/1990	3,5	5	4,5	5	4,5	Đạt
502	502	Phạm Trần	Hoàn	Nam	25/7/1991	3	4	3,5	6	4,1	Đạt
503	503	Đoàn Lương	Hoàng	Nam	03/07/1995	7,5	5,5	8,5	6	6,9	Đạt
504	504	Lê Thị	Hồng	Nữ	31/10/1988	3,5	4	3	6	4,1	Đạt
505	505	Hà Thị Hồng	Huế	Nữ	27/06/2000	5	5	4	4,5	4,6	Đạt
506	506	Phạm Tân	Huyền	Nữ	18/01/1982	4,5	4	3,5	6	4,5	Đạt
507	507	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	27/10/1988	5,5	6,5	3,5	5,5	5,3	Đạt
508	508	Thân Thị Hồng	Ninh	Nữ	25/01/1991	7,5	6	8,5	4,5	6,6	Đạt
509	509	Nguyễn Hoàng Ngọc	Phúc	Nam	27/01/2002	8,5	5,5	8,5	2,5	6,3	Đạt
510	510	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	11/05/1995	1,5	4	8	3,5	4,3	Đạt
511	511	Trần Ngọc Mai	Phương	Nữ	06/07/1991	7,5	4,5	7,5	2	5,4	Đạt

Stt	SBD	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Kết quả	Ghi chú
512	512	Nguyễn Văn	Quý	Nam	16/6/1992	7	4	9	3,5	5,9	Đạt
513	513	Lê Thị	Tâm	Nữ	16/11/1984	8	4	6	2	5	Đạt
514	514	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	21/11/2002	3,5	4,5	2	6	4	Đạt
515	515	Đặng Văn	Thọ	Nam	03/01/1994	7	5,5	8	6	6,6	Đạt
516	516	Mai Chí	Thọ	Nam	06/09/1994	4,5	4	6	3	4,4	Đạt
517	517	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	03/07/1983	6	6	7,5	5,5	6,3	Đạt
518	518	Vũ Thị Bích	Thùy	Nữ	10/10/2000	6	4	4	2,5	4,1	Đạt
519	519	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	05/02/1987	5,5	4,5	5,5	2,5	4,5	Đạt
520	520	Đoàn Quốc	Trung	Nam	20/09/1996	7,5	6	8,5	6	7	Đạt
521	521	Hoàng Thị Ngọc	Tú	Nữ	17/04/1983	5	5,5	5,5	2,5	4,6	Đạt
522	522	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	10/03/1982	6	4,5	7,5	4	5,5	Đạt
523	523	Phạm Thị Thùy	Vân	Nữ	21/02/1992	8	4	9,5	6	6,9	Đạt
524	524	Đặng Thị Ái	Vi	Nữ	08/11/1992	3,5	6	7	9	6,4	Đạt
525	525	Phạm Thị	Yến	Nữ	20/10/1991	9	5	9	7	7,5	Đạt
526	526	Lê Nguyễn Thanh	Nguyên	Nữ	16/02/2001	10	7	9,5	6	8,1	Đạt
527	527	Nguyễn Bích	Trâm	Nữ	31/05/2000	9	5,5	8,5	7,5	7,6	Đạt
528	528	Nguyễn Lâm Thúy	Vi	Nữ	16/08/1985	10	5,5	9	3	6,9	Đạt
529	529	Hoàng Đình	Hải	Nam	19/04/2000					0	Vắng
530	530	Trần Thị	Hạnh	Nữ	01/10/1996	7	7	8	6,5	7,1	Đạt
531	531	Triệu Thùy	Linh	Nữ	18/06/2000	9	10	8,5	8,5	9	Đạt
532	532	Bùi Trần Thu	Trang	Nữ	14/09/2002	6	6	8,5	6,5	6,8	Đạt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

TM. HĐTS SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Pgs. Ts. Trịnh Quốc Trung